

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG
22 – THÀNH CÔNG – BA ĐÌNH – HÀ NỘI
Mã số thuế: 0102006610

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2011

Hà nội, năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/04/2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2 238 430 238 205	2 157 494 314 382
Tiền và tương đương tiền	110	V 1	1 794 750 453 922	1 888 545 716 469
Tiền	111		91 505 453 922	74 245 716 469
Các khoản tương đương tiền	112		1 703 245 000 000	1 814 300 000 000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V 4	397 619 698 110	206 819 383 610
Đầu tư ngắn hạn	121		552 957 063 299	331 101 659 299
Dự phòng đầu tư ngắn hạn (*)	129		(155 337 365 189)	(124 282 275 689)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V 10	43 094 237 376	55 647 598 247
Phải thu khách hàng	131		25 918 806 570	23 720 216 650
Trả trước cho người bán	132		433 956 500	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		13 943 069 131	26 950 005 218
Các khoản phải thu khác	138		2 798 405 175	4 977 376 379
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
Hàng tồn kho	140	V 2	578 108 687	602 399 596
Công cụ dụng cụ	143		578 108 687	602 399 596
Tài sản ngắn hạn khác	150		2 387 740 110	5 879 216 460
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1 168 250 450	4 595 880 800
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1 179 889 660	1 179 889 660
Tài sản ngắn hạn khác	158		39 600 000	103 446 000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		247 887 810 572	271 029 307 170
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Khoản phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		7 153 868 426	8 314 374 385
Tài sản cố định hữu hình	221	V 5	3 921 536 949	4 544 654 555
- Nguyên giá	222		22 223 605 987	22 223 605 987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(18 302 069 038)	(17 678 951 432)
Tài sản cố định vô hình	227	V 6	3 232 331 477	3 769 719 830
- Nguyên giá	228		7 033 462 200	7 033 462 200
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3 801 130 723)	(3 263 742 370)
Chi phí XDCB dở dang	230		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		232 750 892 000	254 722 892 000
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		232 750 892 000	254 722 892 000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		7 983 050 146	7 992 040 785
Chi phí trả trước dài hạn	261	V 7	135 994 518	144 985 157
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V 10	3 426 117 378	3 426 117 378
Tài sản dài hạn khác	268		4 420 938 250	4 420 938 250
CỘNG	270		2 486 318 048 777	2 428 523 621 552

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/04/2011
NỢ PHẢI TRẢ	300		86 389 193 713	84 054 950 909
Nợ ngắn hạn	310		85 392 417 017	82 271 966 151
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán	312		-	44 757 039
Người mua trả tiền trước	313		615 000 000	607 000 000
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	V 8	342 954 939	261 094 331
Phải trả người lao động	315		871 850 740	859 951 697
Chi phí phải trả	316	V 7	1 032 928 110	751 047 471
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V 14	75 750 840	164 763 940
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V 17	73 223 419 126	70 352 838 411
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9 230 513 262	9 230 513 262
Phải trả hộ cổ tức gốc và lãi trái phiếu	321		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
Nợ dài hạn	330		996 776 696	1 782 984 758
Phải trả dài hạn người bán	331			-
Phải trả dài hạn khác	333	VII 2	865 910 769	865 910 769
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	1 012 500
Doanh thu chưa thực hiện	338		130 865 927	916 061 489
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2 399 928 855 064	2 344 468 670 643
Vốn chủ sở hữu	410		2 399 928 855 064	2 344 468 670 643
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2 025 000 000 000	2 025 000 000 000
Thặng dư vốn cổ phần	412		444 716 419 000	444 716 419 000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		280 010	5 333 008
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		13 530 413 994	13 530 413 994
<i>Dự trữ theo pháp định</i>			<i>6 765 206 997</i>	<i>6 765 206 997</i>
<i>Dự trữ theo điều lệ công ty chứng khoán</i>			<i>6 765 206 997</i>	<i>6 765 206 997</i>
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(83 318 257 940)	(138 783 495 359)
CỘNG NGUỒN VỐN	440		2 486 318 048 777	2 428 523 621 552

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2011	01/04/2011
Tài sản thuê ngoài	001	-	-
Vật tư chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
Ngoại tệ các loại	005	113,76	8 030,41
USD		113,76	8 030,41
Chứng khoán lưu ký	006	3 172 340 980 000	3 266 127 540 000
Chứng khoán giao dịch	007	1 462 639 580 000	1 731 455 490 000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	51 982 330 000	69 352 510 000
Chứng khoán cầm cố	017	1 648 977 340 000	1 457 677 340 000
Chứng khoán tạm giữ	022	2 084 230 000	-
Chứng khoán chờ thanh toán	028	6 657 500 000	7 642 200 000
Chứng khoán lưu ký Cty đại chúng chưa niêm yết	050	7 938 210 000	8 077 510 000
Chứng khoán giao dịch	051	7 756 170 000	7 991 510 000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	-	-
Chứng khoán cầm cố	061	-	-
Chứng khoán tạm giữ	066	101 040 000	-
Chứng khoán chờ thanh toán	070	81 000 000	86 000 000
Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
Chứng khoán chưa lưu ký của Cty chứng khoán	083	99 730 400 000	203 042 610 000

Ngày 15 tháng 7 năm 2011

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ NGỌC ANH

NGUYỄN THUÝ LINH

PHẠM VĨNH THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	T mình	Quý này		Lũy kế từ đầu năm cho đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	01		110 432 606 606	73 292 740 504	200 568 493 838	140 575 345 163
Trong đó						
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01 1		1 425 983 186	6 575 990 564	2 641 054 206	12 171 876 077
Doanh thu hoạt động đầu tư CK góp vốn	01 2		6 551 431 495	31 282 739 452	13 219 482 935	72 725 182 662
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01 3		-	-	-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01 4		-	-	-	1 467 530 000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01 5		711 090 908	752 000 000	838 363 635	1 072 000 000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01 6		388 493 206	-	790 431 045	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01 7		-	7 686 166	270 946 953	7 686 166
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01 8		1 068 508 016	952 370 722	1 950 308 477	1 794 883 226
Doanh thu khác	01 9		100 287 099 795	33 721 953 600	180 857 906 587	51 336 187 032
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		110 432 606 606	73 292 740 504	200 568 493 838	140 575 345 163
Chi phí hoạt động kinh doanh	11		51 336 830 387	91 687 541 196	106 147 354 396	142 340 705 759
Trong đó: Dự phòng giảm giá chứng khoán			31 055 089 500	73 092 740 340	66 266 150 700	73 092 740 340
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		59 095 776 219	(18 394 800 692)	94 421 139 442	(1 765 360 596)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3 630 538 800	3 843 193 883	8 740 674 713	7 332 874 202
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		55 465 237 419	(22 237 994 575)	85 680 464 729	(9 098 234 798)
Thu nhập khác	31		-	-	-	-
Chi phí khác	32		-	65 000 000	-	65 000 000
Lợi nhuận khác	40		-	(65 000 000)	-	(65 000 000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55 465 237 419	(22 302 994 575)	85 680 464 729	(9 163 234 798)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI 1	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		55 465 237 419	(22 302 994 575)	85 680 464 729	(9 163 234 798)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		273,9	(1,73)	423,11	(7,6)

NGƯỜI LẬP



TRẦN THỊ NGỌC ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THUỶ LINH

Ngày 15 tháng 7 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VINH THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	1	113 614 619 953	1 191 722 034 377
Tiền chi hoạt động kinh doanh	2	(2 142 526 841)	(2 047 091 119 774)
Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	5	-	-
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	6	555 934 893 128	2 426 399 953 529
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	7	(526 786 872 545)	(2 915 892 783 698)
Tiền thu bán chứng khoán phát hành	8	-	-
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	9	(5 395 098 000)	-
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(256 276 039)	(490 307 810)
Tiền chi trả cho người lao động	11	(11 636 536 056)	(10 582 622 320)
Tiền chi trả lãi vay	12	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-
Tiền thu khác	14	32 446 380 547	448 354 418 625
Tiền chi khác	15	(6 544 297 917)	(23 014 864 636)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD chứng khoán	20	149 234 286 230	(930 595 291 707)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(207 800 000 000)	-
Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	84 366 571 574	35 506 964 332
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(123 433 428 426)	35 506 964 332
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1 026 528 095 000
Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(35 000 000 000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	991 528 095 000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	25 800 857 804	96 439 767 625
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1 768 949 316 108	1 348 210 345 610
Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại cuối kỳ	61	280 010	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1 794 750 453 922	1 444 650 113 235

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 15 tháng 7 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ NGỌC ANH



NGUYỄN THUỶ LINH



PHẠM VĨNH THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long là công ty cổ phần thành lập theo Luật Doanh nghiệp được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01 tháng 8 năm 2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động theo Quyết định số 18/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 10 năm 2006

Trong quá trình hoạt động các thay đổi về vốn đầu tư và ngành nghề kinh doanh đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lần lượt chuẩn y tại Quyết định số 281/QĐ-UBCK ngày 27/4/2007; Quyết định số 314/QĐ-UBCK ngày 16/5/2007; Quyết định số 93/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/12/2007; Quyết định số 129/QĐ-UBCK ngày 20/5/2008; Quyết định số 188/QĐ-UBCK ngày 11/02/2009 Quyết định số 249/UBCK-GP ngày 14/07/2009 Quyết định số 277/UBCK - GP ngày 9/11/2009; Quyết định số 290/UBCK ngày 24/12/2009 Quyết định số 324/UBCK-GP ngày 25/5/2010

Ngày 26/8/2008 Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 550/QĐ-UBCK về việc chấp thuận lập chi nhánh công ty chứng khoán Theo đó Công ty Cổ phần chứng khoán Kim Long được lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 290/UBCK ngày 24/12/2009 là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc tại ngày 30/06/2011 không có hoạt động đáng kể nào làm thay đổi các chức năng hoạt động được cho phép

Công ty được phép hoạt động trong thời gian 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Công ty có trụ sở chính tại số 22 phố Thành Công quận Ba Đình thành phố Hà Nội và Chi nhánh tại Phòng 2 lầu 2 tòa nhà Centec Tower số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6 Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 113 người Trong đó số cán bộ quản lý là 27 người

II. KỲ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 năm dương lịch;

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc tại ngày 30/06/2011

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, TT 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng dẫn sửa đổi bổ sung TT95/2008/TT-BTC.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

VI. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Khoản chênh lệch giữa tỷ giá sau khi quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 do Ngân hàng Nhà nước công bố với tỷ giá đang hạch toán trên sổ kế toán được xử lý như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt tiền gửi các khoản công nợ ngắn hạn (nhỏ hơn 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được phản ánh tại mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán. Đầu năm sau số dư sẽ được hạch toán ngược lại để xóa sổ dư.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản công nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

3. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế;

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian (năm)</i>
Máy móc thiết bị	07
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý	03
Tài sản khác	05
Phần mềm giao dịch	03

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Ghi nhận theo giá gốc;

Phương pháp xác định giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra: Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

- Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết được trích lập cho từng loại chứng khoán tự doanh đã niêm yết có giá khớp lệnh tại thời điểm kết thúc phiên giao dịch ngày 30 tháng 06 năm 2011 thấp hơn so với giá trên sổ kế toán.
- Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết do không thu thập được thông tin đáng tin cậy về giá các loại chứng khoán này tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính và không có quy định cụ thể làm căn cứ pháp lý để trích lập dự phòng đối với các loại chứng khoán này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chủ yếu là tiền thuê nhà, giá trị các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng) và các khoản chi phí khác được phân bổ theo kỳ thanh toán trong thời gian dưới 1 năm kể từ khi phát sinh.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng) và các chi phí khác. Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm kể từ khi phát sinh.

6. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa và dịch vụ đã nhận và sử dụng trong kỳ không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu của Công ty khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lãi (lỗ) lũy kể từ các hoạt động kinh doanh của Công ty đến thời điểm báo cáo.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong năm được ghi nhận đầy đủ theo đúng chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán; Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn; Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán; Doanh thu hoạt động tư vấn; Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán; Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản và Doanh thu khác. Phương pháp xác định như sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư doanh thu này được xác định vào cuối mỗi ngày.
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn là khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty (được ghi nhận khi khớp lệnh thành công đối với cổ phiếu niêm yết và chuyển quyền sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ phiếu chưa niêm yết) thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

- Doanh thu bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán được xác định khi thực hiện quyết toán với tổ chức phát hành hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Doanh thu hoạt động tư vấn là số phí Công ty được hưởng từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư và tư vấn khác của Công ty đã thực hiện trong kỳ kế toán.
- Doanh thu lưu ký chứng khoán là số phí Công ty được hưởng từ các hoạt động lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư.
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản là khoản tiền thu được từ cho thuê nhà của Công ty.
- Doanh thu khác bao gồm: lãi tiền gửi, tiền lãi cho vay vốn, lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

9. Các nghĩa vụ thuế

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán và Thông tư số 72/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10/8/2006 sửa đổi bổ sung thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính, Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các nghĩa vụ về thuế của Công ty như sau:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán không thuộc diện chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo. Trong thời hạn 10 năm kể từ khi thành lập, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%. Sau thời hạn được áp dụng mức thuế suất ưu đãi nêu trên, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 25%.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và tương đương tiền**

	Đơn vị: VND	
	30/06/2011	01/04/2011
Tiền mặt	83 650 636	23 255 465
Tiền gửi ngân hàng	91 421 803 286	84 222 461 004
Trong đó:		
Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch CK	60 101 331 665	50 479 386 493
Các khoản tương đương tiền	1 703 245 000 000	1 804 300 000 000
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	1 794 750 453 922	1 888 545 716 469

2. Hàng tồn kho

	Đơn vị: VND	
	30/06/2011	01/04/2011
Nguyên liệu vật liệu	-	-
Công cụ dụng cụ	578 108 687	602 399 596
Cộng	578 108 687	602 399 596

3. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Đơn vị: VND	
	Khối lượng CK giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
Của Công ty chứng khoán	531 700	11 646 876 000
Cổ phiếu	531 700	11 646 876 000
Trái phiếu	-	-
Của người đầu tư	76 972 647	5 392 378 546 760
Cổ phiếu	34 153 867	426 726 500 200
Trái phiếu	42 818 780	4 965 652 046 560
Tổng cộng	77 504 347	5 404 025 422 760

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG
Địa chỉ: Số 22 Thanh Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

4. Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Số lượng CK		Giá trị theo số kế toán		So với giá thị trường								Tổng giá trị theo giá thị trường	
					Tang				Giảm					
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ		
I. Chứng khoán T. mại	10 044 546	9 431 515	345 157 063 299	331 101 659 299	3 550 935 990	3 492 119 590	152 447 885 189	124 282 275 689	196 260 114 100	210 311 503 200				
Cổ phiếu	9 967 072	9 358 761	337 382 503 299	323 799 099 299	3 550 935 990	3 492 119 590	152 447 885 189	124 282 275 689	188 485 554 100	203 008 943 200				
Trái phiếu	77 474	72 754	7 774 560 000	7 302 560 000	-	-	-	-	7 774 560 000	7 302 560 000				
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
Chứng khoán khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
II. Chứng khoán đầu tư	8 945 500	10 945 500	230 222 892 000	251 722 892 000	-	-	-	-	230 222 892 000	251 722 892 000				
I. Chứng khoán sẵn sàng để bán	8 945 500	10 945 500	230 222 892 000	251 722 892 000	-	-	-	-	230 222 892 000	251 722 892 000				
Cổ phiếu	8 945 500	10 945 500	230 222 892 000	251 722 892 000	-	-	-	-	230 222 892 000	251 722 892 000				
Trái phiếu chính phủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
Trái phiếu công ty	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
Chứng khoán khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

Chỉ tiêu	Số lượng CK		Giá trị theo sổ kế toán		Ghi chú
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	
2.Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	25 280	30 000	2 528 000 000	3 000 000 000	
<i>Trái phiếu Chính phủ</i>	-	-	-	-	
<i>Trái phiếu công ty</i>	25 280	30 000	2 528 000 000	3 000 000 000	
<i>Chứng chỉ quỹ</i>	-	-	-	-	
<i>Chứng khoán khác</i>	-	-	-	-	
III.Đầu tư góp vốn	-	-	-	-	
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	-	-	-	-	
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết</i>	-	-	-	-	
IV. Đầu tư tài chính khác	-	-	207 800 000 000	-	
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	-	-	207 800 000 000	-	

- Chi tiết giá trị chứng khoán dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản nợ: Không
- Chi tiết các chứng khoán đang thực hiện hợp đồng Repo: Không

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị Quản lý</i>	<i>TSCĐ Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	1 685 730 744	2 700 947 515	17 203 839 806	633 087 922	22 223 605 987
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
-Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1 685 730 744	2 700 947 515	17 203 839 806	633 087 922	22 223 605 987
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ	676 951 872	753 864 622	15 957 173 022	290 961 916	17 678 951 432
- Khấu hao trong kỳ	59 624 313	56 702 547	477 613 442	29 177 304	623 117 606
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	736 576 185	810 567 169	16 434 786 464	320 139 220	18 302 069 038
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	1 008 778 872	1 947 082 893	1 246 666 784	342 126 006	4 544 654 555
Tại ngày cuối kỳ	949 154 559	1 890 380 346	769 053 342	312 948 702	3 921 536 949

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

	<i>Phần mềm GD</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	6 774 528 000	-	-	6 774 528 000
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6 774 528 000	-	-	6 774 528 000
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu kỳ	3 263 742 370	-	-	3 263 742 370
- Khấu hao trong kỳ	537 388 353	-	-	537 388 353
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3 801 130 723	-	-	3 801 130 723
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	3 510 785 630	-	-	3 510 785 630
Tại ngày cuối kỳ	2 973 397 277	-	-	2 973 397 277

7. Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị: VND

	30/06/2011	01/04/2011
1 Chi phí công cụ dụng cụ	16 868 604	28 185 441
2 Chi phí khác	119 125 914	116 799 716
Cộng	135 994 518	144 985 157

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

		Đơn vị: VND	
		30/06/2011	01/04/2011
1	Thuế giá trị gia tăng	19 201 909	112 909
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	323 753 030	260 981 422
4	Thuế khác	-	-
Cộng		342 954 939	261 094 331

9. Tài sản thuế TN hoãn lại và thuế TN hoãn lại phải trả(Không)**10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

		Đơn vị: VND
		30/06/2011
1	Tiền nộp ban đầu	120 000 000
2	Tiền nộp bổ sung	3 299 143 987
3	Tiền lãi phân bổ trong năm	6 973 391
Cộng		3 426 117 378

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG
Địa chỉ: Số 22 Thanh Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

11. Các khoản phải thu

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
1 Phải thu của khách hàng	23 720 216 650	-	63 839 372 199	61 640 782 279	25 918 806 570	-	-
2 Ứng trước cho người bán	-	-	580 956 500	147 000 000	433 956 500	-	-
3 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	26 950 005 218	-	83 853 120 707	96 860 056 794	13 943 069 131	-	-
- Phải thu của Sở (TTGDCK)	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	174 547 981	-	850 258 284	882 960 101	141 846 164	-	-
- Phải thu KH về thuế TNCN từ D chuyển nhượng CK	12 593 237	-	217 607 123	224 335 393	5 864 967	-	-
- Phải thu từ chức phát hành (Bảo lãnh phát hành) CK	22 500 000 000	-	-	12 000 000 000	10 500 000 000	-	-
- Phải thu TT lưu kỳ CK	4 262 864 000	-	82 785 255 300	83 752 761 300	3 295 358 000	-	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-	-	-	-
4 Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-
5 Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
6 Phải thu khác	4 977 376 379	-	83 177 786 391	85 356 757 595	2 798 405 175	-	-
Tổng cộng	55 647 598 247	-	231 451 235 797	244 004 596 668	43 094 237 376	-	-

Trong đó: Số phải thu bằng ngoại tệ (quĩ ra USD): 0 VND

Đơn vị: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc tại ngày 30/06/2011

12. Chi phí phải trả

		Đơn vị: VND	
		30/06/2011	01/04/2011
1	Phí lưu ký	171 041 501	335 608 203
2	Phí giao dịch chứng khoán	509 344 377	67 051 605
3	Lãi phải thanh toán cho nhà đầu tư	174 663 798	189 342 883
4	Chi phí phải trả khác	177 878 434	159 044 780
Cộng		1 032 928 110	751 047 471

13. Vay ngắn hạn: (Không)**14. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

		Đơn vị: VND	
		30/06/2011	01/04/2011
1	Kinh phí công đoàn	65 115 600	51 089 200
2	Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	112 899 500
3	Doanh thu chưa thực hiện	130 865 927	916 061 489
4	Các khoản phải trả phải nộp khác	10 635 240	775 240
Cộng		206 616 767	1 080 825 429

15. Phải trả dài hạn nội bộ: (Không)**16. Vay và nợ dài hạn: (Không)****17. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

		Đơn vị: VND	
		30/06/2011	01/04/2011
1	Phải trả Sở GD&ĐT	-	-
2	Phải vay quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác	-	-
3	Phải trả về chứng khoán giao nhận, đại lý phát hành	-	-
4	Phải trả trung tâm LK&ĐT	2 941 734 000	1 369 867 018
5	phải trả tổ chức, cá nhân khác	70 281 685 126	68 982 971 393
Cộng		73 223 419 126	70 352 838 411

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc tại ngày 30/06/2011

18. Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Đơn vị: VND

	30/06/2011	01/04/2011
1 Số dư đầu kỳ	-	-
2 Số sử dụng trong kỳ	-	-
3 Số trích lập trong kỳ	-	-
4 Số dư cuối kỳ	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Đơn vị: VND

	Quý II/2011	Lũy kế từ đầu năm cho đến cuối quý này
1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Cộng	-	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1 Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Đơn vị: VND

	30/06/2011	01/04/2011
1 Các khoản tiền nhận ký quỹ ký cược	865 910 769	865 910 769
2 Các khoản khác	-	-
Cộng	865 910 769	865 910 769

VIII. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành: *Không*
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: *Không*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc tại ngày 30/06/2011

3 Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:

- Thu nhập:	0 đồng
- Chi phí:	0 đồng
- Lãi:	55 465 237 419 đồng
Cộng:	55 465 237 419 đồng

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010 và Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được kiểm toán.

2 Thông tin khác

Giải trình về việc kết quả kinh doanh Quý II/2011 biến động tăng hơn 10% so với Quý II/2010:

Lợi nhuận trước thuế của công ty Quý II năm 2011 là 55 465 237 419 đồng, so với cùng kỳ năm 2010 là âm 22 302 994 575 đồng, biến động tăng hơn 349%. Nguyên nhân sự biến động trên là do trong Quý II năm 2011, công ty tiếp tục thực hiện chính sách bảo toàn vốn, đẩy mạnh hoạt động nguồn vốn.

NGƯỜI LẬP



TRẦN THỊ NGỌC ANH

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THUỶ LINH



Ngày 15 tháng 7 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VĨNH THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG
Địa chỉ: Số 22 Thanh Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc tại ngày 30/06/2011

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	T.M	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của CSH		2 025 000 000 000	2 025 000 000 000	-	-	-	-	2 025 000 000 000	2 025 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần		444 716 419 000	444 716 419 000	-	-	-	-	444 716 419 000	444 716 419 000
3. Vốn khác của CSH		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại TS		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		5 333 008	5 333 008	-	-	280 010	5 333 008	5 333 008	280 010
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		15 530 413 994	15 530 413 994	-	-	-	-	15 530 413 994	15 530 413 994
9. Các quỹ khác thuộc vốn CSH		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa PP		(168 998 722 669)	(138 783 495 359)	30 215 227 310	-	55 465 237 419	-	(138 783 495 359)	(83 318 257 940)
Cộng		2 314 253 443 333	2 344 468 670 643	30 215 227 310	-	55 465 517 429	5 333 008	2 344 468 670 643	2 399 928 855 064

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ NGỌC ANH

NGUYỄN THUY LINH



PHẠM VINH THÀNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

